

Số: 813/2024/QĐST-DS

Củ Chi, ngày 26 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 442/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Phạm Thị M, sinh năm 1981;

+ Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Số A Đường số C, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, Đường C, ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 001457, Quyển số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/4/2024 tại Văn phòng C)

Ông T ủy quyền cho bên thứ ba: Bà Nguyễn Thị Trúc N, sinh năm: 1993; địa chỉ liên hệ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (Hợp đồng ủy quyền ngày 14/6/2024 số chứng thực 474, quyển số: 01/2024 – SCT/HĐ,GD tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre)

- Bị đơn:

+ Ông Huỳnh Văn T1; sinh năm 1965; địa chỉ: Số E đường C, ấp P, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Nguyễn Hiếu N1; sinh năm 1997; địa chỉ: Số B đường N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số công chứng 013961 quyển số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/7/2024 tại Văn phòng C1)

+ Ông Nguyễn Đức D; sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Nguyễn Trần N2, sinh năm: 1990; địa chỉ: Khu phố D T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. (Giấy ủy quyền số công chứng 017941 quyển số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2024 tại Văn phòng C1)

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn ông Huỳnh Văn T1 đồng ý hỗ trợ cho nguyên đơn bà Phạm Thị M và ông Huỳnh Thanh L số tiền 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Thi hành ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Ông Huỳnh Văn T1 được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất, sở hữu căn nhà cấp 4 diện tích 93,3m² có kết cấu tường xây gạch quét sơn, nền lát gạch ceramic, cột trụ xi măng quét sơn, có la phong, sân lát xi măng, phía sau có mái che bằng tôn và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 505, tờ bản đồ số 3 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CE 127521, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 02748 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 23/11/2016 cho ông Nguyễn Đức D; ngày 18/4/2017, cập nhật thay đổi chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn T1 đứng tên. Vị trí đất tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ tranh chấp tài sản của Công ty TNHH MTV T2 lập, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản tranh chấp lập ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi).

Địa điểm thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm: 4.375.000đ (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ông Huỳnh Văn T1 tự nguyện chịu nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.375.000đ (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà M và ông L số tiền tạm ứng án phí là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015447 và biên lai thu tiền số 0015445 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Chi phí tố tụng khác:

Chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp do nguyên đơn bà **Phạm Thị M** và ông **Huỳnh Thanh L** tự nguyện chịu nên Tòa án không xét.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Anh Đạt